

Phụ lục số 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

Năm báo cáo: năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

TÊN GỌI : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG

TÊN TIẾNG ANH: VINACAP KIM LONG JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VINACAP KIM LONG.,JSC

Trụ sở : Dốc Vân, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 35377989

Fax: (84.24) 35377988

Website : www.vinacap.vn

Email: vinacap@vinacap.vn

Mã số thuế : 0 1 0 2 3 0 6 4 1 3

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh : 156.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 156.000.000.000 đồng

1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1992: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cáp Vinadaesung. Công ty liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt Nam sản xuất cáp thông tin sợi đồng phục vụ quá trình số hóa mạng lưới.

Tháng 3/2001: Tập đoàn NEXANS - Pháp mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea. Cùng với NEXANS Korea, Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS, nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quốc tế TÜV CERT - TÜV Nord (CH Liên bang Đức cấp) và đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất cáp Lan đầu tiên tại Việt nam .

Tháng 6/2007: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung giải thể do hết thời hạn 15 năm liên doanh, các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA).

Ngày 9/11/2007 Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.

Năm 2008: Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, công ty lần đầu tiên có sản phẩm mới hoàn toàn: Cáp quang.

Năm 2009: Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, công ty chính thức xâm nhập thị trường Dây cáp điện. Đồng thời là nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thoả thuận để phân phối sản phẩm Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, Vinacap chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.

Năm 2010: VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thoả thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hoà mạng Alo_Avio độc đáo. Điện thoại AVIO tạo thành một hiện tượng đặc biệt về nhu cầu trên thị trường nhờ Rẻ - Đẹp - Tiện ích.

Tháng 11/2010: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu mạng thành Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP.

Tháng 3/2022: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP thành Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long. Công ty VINACAP định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trên 3 hướng: Sản xuất dây cáp (cáp quang, cáp điện, cáp Lan) và thiết bị điện; Phát triển các thiết bị đầu cuối cho mạng viễn thông; Kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ viễn thông.

Các thành tích

Là một trong những nhà sản xuất các loại cáp có uy tín nhất từ năm 1992, từ công ty Liên doanh Vinadaesung nay trở thành Công ty Cổ phần VTĐT VINACAP, công ty đã tiến hành đa dạng hoá nhanh chóng, ngày càng khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín.

Công ty vinh dự được đón các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới thăm:

Đồng chí Tổng Bí Thư Đỗ Mười.

Đồng Chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương.

Đồng Chí Chủ tướng Chính Phủ Nguyễn Tấn Dũng.

Bí Thư Thành ủy Hà nội Phạm Thế Duyệt

Các đoàn Bộ trưởng Viễn Thông Hàn Quốc, Lào, Campuchia đến thăm

Các danh hiệu Công ty đạt được qua các năm như sau:

Năm 1998: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các giải thưởng về chất lượng

Năm 2001: Bằng khen của Bộ thương mại

Năm 2003: Huân chương lao động hạng ba

Năm 2004: Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội, Bằng khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động Việt nam.

Năm 2005: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam, Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Bưu điện Việt nam, Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội.

Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng .

Năm 2007: Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông

Năm 2008: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Năm 2009: Cờ thi đua của Bộ Thông tin & Truyền thông, Huy chương vàng Hội trợ triển lãm, và nhận giải thưởng Top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam 2009 do thời báo Kinh Tế bầu chọn

Năm 2010: Cờ thi đua của Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Năm 2011: Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định số 153, ngày 08/09/2011, tặng huân chương lao động hạng nhì giai đoạn 2006-2010.

Năm 2013: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2014: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2015: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2016: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Năm 2017: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

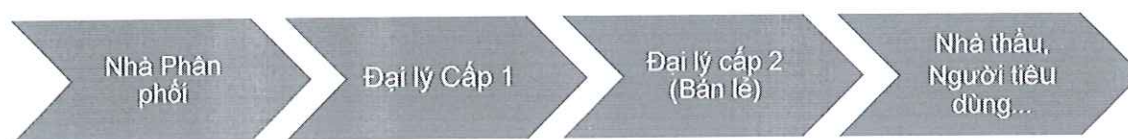
Năm 2018: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông,

Hoạt động marketing

Công ty có kế hoạch khuếch trương hình ảnh Công ty một cách đồng bộ và mạnh mẽ thông qua truyền hình, quảng cáo trên các tạp chí có uy tín, tài trợ các chương trình thể thao văn hoá ... với phương châm: Hiệu quả - thiết thực, tạo được ấn tượng tốt đối với khách hàng.

Hiện nay, Công ty đã tập trung xây dựng thương hiệu **Dây cáp và Thiết bị điện VINACAP**, đồng thời thiết lập được hệ thống kênh phân phối Dây cáp và thiết bị điện rộng khắp các tỉnh/thành phố trên cả nước. Hệ thống phân phối của Công ty có nguồn nhân lực gồm các giám sát bán hàng, đại diện thương mại ở khắp các tỉnh có năng lực phát triển thị trường tốt.

Hệ thống phân phối của Công ty được xây dựng theo mô hình như sau:



Nguồn: Vinacap

Đối với cáp viễn thông (cáp quang và cáp thông tin lõi đồng), Công ty thực hiện phát triển mạnh kênh bán hàng cho các dự án xây dựng lớn, có một bộ phận kinh doanh dự án chuyên phục vụ cho việc đấu thầu, tìm kiếm và phát triển các đối tác lớn như các Tổng công ty xây dựng, chủ đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, các công ty thiết kế....

Công ty đã thành lập bộ phận thương hiệu chuyên nghiệp, nằm trong phòng Vật tư-Thương mại-Thương hiệu với các nhân viên có trình độ đại học chuyên sâu.

Công ty đã có bộ tiêu chuẩn nhận diện chuyên nghiệp do công ty tư vấn thương hiệu Sacctchi and Sacctchi thực hiện, thời gian vừa qua công ty đã có nhận diện tốt trên thị trường thông qua hệ thống biển bảng của đại lý, một số chương trình truyền hình, báo chí... Các chương trình này đã giúp quảng bá hình ảnh của công ty trên thị trường.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Coi trọng vai trò của thương hiệu trong cạnh tranh thị trường và xây dựng giá trị doanh nghiệp lâu dài, ngay từ khi thành lập công ty đã thuê tư vấn nước ngoài Hãng Saatchi and Saatchi giúp xây dựng chiến lược thương hiệu, hệ thống hoá toàn bộ nhận diện hình ảnh và phương án triển khai xây dựng thương hiệu lâu dài.

Với nỗ lực không ngừng Vinacap ngày càng khẳng định thương hiệu của mình, do vậy để bảo vệ thương hiệu và đảm bảo hoạt động trong tương lai, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ theo biên bản đăng ký năm 2006 với mẫu thương hiệu đăng ký là.



1.2. Logo của Công ty

Ý nghĩa:

Logo công ty hình con tê giác màu nâu trên nền xanh: con tê giác là con vật to lớn, mạnh khỏe nhưng lại rất nhanh nhẹn. Hiện nay môi trường ngày càng ô nhiễm và nạn săn bắt Tê giác làm nguy cơ tuyệt chủng rất cao. Màu xanh thể hiện của bầu trời trong xanh, môi trường trong lành, cuộc sống hòa bình, ổn định và bền vững.

1.3. Khẩu hiệu: “Dây chắc mạch bền” cho dây và cáp

Dựa trên câu tục ngữ “Ăn chắc mặc bền”. Ý nghĩa: Vừa nói lên đặc thù sản phẩm dây và cáp của công ty, vừa nêu bật được chất lượng sản phẩm của Công ty. Trong tương lai, đối với mỗi dòng sản phẩm công ty sẽ có sẽ có khẩu hiệu riêng phù hợp với sản phẩm.

Định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của ngành và của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

Xây dựng văn hóa công ty trên các trụ cột “Chất lượng – Sáng tạo – Táo bạo”, tuyên truyền quán triệt tới từng lao động để từng bước xây dựng thương hiệu cho công ty, đưa Công ty trở thành mái nhà lớn tập hợp người con người tâm huyết và tài năng.

Chiến lược của Công ty là “Phát triển bền vững” với các lĩnh vực chính:

Sản xuất cáp các loại và thiết bị điện dân dụng: Hai nhóm sản phẩm chính là nhóm ngành Cáp viễn thông – Dây cáp điện với các sản phẩm Cáp quang, Dây cáp điện và thiết bị điện dân dụng,

Nhóm ngành sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông. Công ty hướng tới trở thành nhà nghiên cứu, sản xuất và phân phối có uy tín trên thị trường.

Phát triển dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ kỹ thuật cho mạng viễn thông, đây là hoạt động nhiều triển vọng, phù hợp với chiến lược tăng tốc công nghiệp nội dung, giải trí tại Việt nam.

Thực hiện kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ đạo gồm tổ chức kênh phân phối về thiết bị viễn thông, phụ kiện phục vụ trong và ngoài Tập đoàn, và hoạt động thương mại mua, bán vật tư sản xuất cáp phục vụ các dự án, công trình xây dựng.

Về chính sách chất lượng, với tôn chỉ “Sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng cao, có vị trí hàng đầu về chất lượng tại Việt Nam và thỏa mãn yêu cầu của khách hàng; trên cơ sở đó, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích hợp lý cho các Cổ đông”, Công ty cam kết thực hiện luôn thực hiện đúng các quy trình quản lý và sản xuất, không ngừng nghiên cứu áp dụng các giải pháp cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm thiểu hư hỏng, thất thoát.

Với khách hàng, Công ty luôn duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, xây dựng quan hệ lâu dài, gần gũi với mọi khách hàng và bạn hàng; bám sát thị trường để kịp thời đề xuất cải tiến và điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp.

Về xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, Công ty có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Công ty xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp..

Tất cả các chính sách và chiến lược trên được thực hiện để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Định hướng phát triển của Công ty nêu trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành hạ tầng viễn thông – điện lực.

Thị trường tiêu thụ

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn VNPT đã có quan hệ truyền thống và uy tín lâu năm với Tập đoàn, Viễn thông và Bưu điện tỉnh thành trong cả nước, các đơn vị trong VNPT. Cụ thể:

Tập đoàn VNPT, Viễn thông/Bưu điện tỉnh thành trên cả nước; Tổng Công ty VNPT VINAPHONE; Tổng Công ty Viễn thông Mobifone; Tập đoàn Viettel, Tập đoàn EVN, FPT, CMC.....các dự án xây dựng, công trình xây dựng....

Phát triển các kênh phân phối bán hàng trên toàn quốc về sản phẩm điện và thiết bị điện..... cung các trung tâm bảo hành và chăm sóc khách hàng trên toàn quốc...

Các hãng, đối tác nước ngoài: Nexans, Epsilon, Mercury, Borouge, Simitomo, Fujikura, Corning, Gemalto, Workz, Microsoft, ITEL, HP, Alcatel, Huawei, ZTE, Dow, Teijin, ...

1.4. Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng từ ngày 05/09/2008.

Niên yết, giao dịch Upcom: Sàn giao dịch Upcom

| | |
|---|---|
| Tên chứng khoán: | Cổ phiếu CTCP VINACAP KIM LONG |
| Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông |
| Mã chứng khoán: | VTE |
| Mệnh giá: | 10.000 đồng |
| Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: | 15.600.000 cổ phiếu (<i>Mười lăm triệu sáu trăm nghìn cổ phiếu</i>) |
| Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch: | 156.000.000.000 đồng (<i>Một trăm năm mươi sáu tỷ đồng</i>) |
| Ngày giao dịch đầu tiên: | Ngày 05 tháng 06 năm 2018 |

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 08 theo số 0102306413 ngày 22 tháng 01 năm 2025 như sau:

| Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---------------------------|---|
| | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật) |
| 2733 (Chính) | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại - Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện từ) và cáp; - Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp; |
| 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá - Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh; - Môi giới thương mại; |
| 2610 | Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học; |
| 2630 | Sản xuất thiết bị truyền thông - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bưu chính, viễn thông |
| 2710 | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện - Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; - Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng; - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng; |
| 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác - Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học; |
| 4652 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; - Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; |
| 2720 | Sản xuất pin và ắc quy |
| 4651 | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm |
| 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Kinh doanh bất động sản; |
| 4321 | Lắp đặt hệ thống điện |

| Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---------------------------|--|
| | - Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học; - Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học; |
| 6311 | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan |
| 6312 | Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí) |
| 9512 | Sửa chữa thiết bị liên lạc |
| 1811 | In ấn |
| 2740 | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng |
| 4741 | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 6329 | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ thông tin qua điện thoại; |
| 4759 | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh |
| 6190 | Hoạt động viễn thông khác - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng, thiết bị vô tuyến điện: Thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông, thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông |
| 7310 | Quảng cáo - Quảng cáo thương mại; |
| 6622 | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm - Đại lý bảo hiểm |
| 7490 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học; |
| 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) |

| Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---------------------------|--|
| 6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (không gồm nhận ủy thác đầu tư tài chính, chứng khoán) |
| 2732 | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác |
| 2812 | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu |
| 7710 | Cho thuê xe có động cơ - Cho thuê xe ô tô từ 4 – 16 chỗ ngồi |
| 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| 5229 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; |
| 2813 | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác |
| 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện |
| 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; |
| 1079 | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các loại trà dược thảo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất các thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như bánh Sandwich, bánh Pizza; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc, nhân tạo; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng. |

2.2. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

2.2.1 Sản xuất

Cáp loại cáp sợi đồng : Từ năm 1992 đến nay.

Dây và Cáp điện dân dụng và thiết bị điện : Từ năm 2008 đến nay.

Cáp quang, phụ kiện và dây cáp viễn thông sợi đồng

Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP tiền thân là công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung, doanh nghiệp đầu tiên của ngành Bưu điện liên doanh với Hãng Daesung Hàn Quốc sản xuất cáp thông tin sợi đồng và đã chuyển giao công nghệ sản xuất cho nhiều đơn vị Việt Nam cùng sản xuất.

Thừa hưởng các cơ sở vật chất, quy trình sản xuất **Cáp thông tin lõi đồng** cũng như mô hình quản lý hiệu quả của Công ty Liên doanh Vinadaesung, trong năm 2007 Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần, tiếp tục hoạt động sản xuất cáp sợi đồng cho thị trường Việt nam. Trong năm 2007, cáp thông tin lõi đồng vẫn là sản phẩm duy nhất của Công ty nên tỷ trọng của sản phẩm này chiếm 100% doanh thu của Công ty.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp thông tin lõi đồng tiêu biểu

Cáp tự treo có đầu



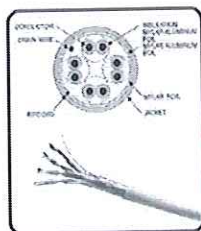
- Dung lượng từ 1 đôi đến 600 đôi.
- Đường kính dây dẫn 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp Tip

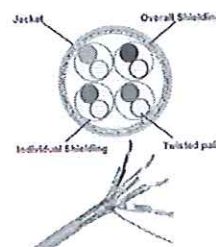


- Dung lượng đến 600 đôi
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.5E FTP



Cáp mạng Lan Dintek CAT.6 S-STP

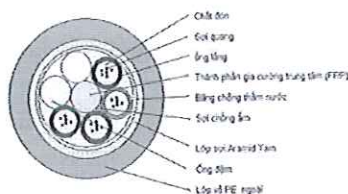
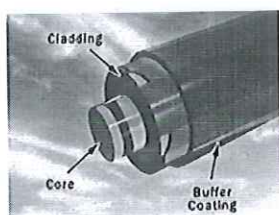


Nhận biết được sự xu hướng của thị trường trong việc thay thế cáp thông tin lõi đồng bằng cáp quang, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang và chính thức vận hành từ đầu năm 2008. Đến tháng 9 năm 2008, Công ty đã đưa sản phẩm cáp quang ra thị trường. Tuy nhiên, xu thế thị trường cáp viễn thông sợi đồng ngày càng sụt giảm. Năm 2009, doanh thu của sản phẩm cáp quang tiếp tục tăng mạnh và cáp viễn thông sợi đồng tiếp tục giảm do nhu cầu về sản phẩm này trên thị trường giảm xuống.

Dòng sản phẩm cáp quang được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT với chất lượng tốt, uy tín trên thị trường hiện nay.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp quang

Cáp quang



2.2.2. Dây điện dân dụng, cáp điện và thiết bị điện

Bên cạnh việc đưa sản phẩm cáp quang mới vào thị trường, Công ty tiếp tục mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất **Dây cáp điện hiện đại**, là một mặt hàng mới, có tính cạnh tranh cao, nhưng được thừa hưởng trình độ sản xuất và con người của Công ty Liên doanh Vinadeasung trước đây. Với định hướng là sản phẩm có chu kỳ sống dài sẽ thay thế dần việc sản xuất cáp viễn thông khi thị trường thay đổi. Hiện nay, Thị trường hiện nay của Công ty bao gồm các tỉnh từ phía Bắc đến Bình Định. Đối với sản phẩm thiết bị điện, Công ty đang tiếp tục phát triển các thiết bị điện: Bóng đèn Compact, tủ điện, linh kiện điện... nhằm trở thành một nhà sản xuất có uy tín về các sản phẩm điện dân dụng.

2.2.3. Thương mại

Do cạnh tranh trong lĩnh vực sản xuất ngày càng gia tăng nên Công ty định hướng mở rộng lĩnh vực hoạt động, phát triển mảng thương mại từ năm 2009 đến nay.

Vật tư, phụ kiện cho mạng lưới: đây là hoạt động mua bán thường xuyên đáp ứng nhu cầu duy trì ổn định mạng lưới của tập đoàn VNPT và các nhà khai thác viễn thông khác. Công ty đã có quan hệ với những đối tác cung cấp uy tín, chất lượng. Đây là hướng đi được Tập đoàn chỉ đạo để đầu ra của doanh nghiệp này là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn. Do vậy, hoạt động sẽ được mở rộng và ổn định. Khách hàng chính là Vinaphone, MobiFone, Viễn thông tỉnh, FPT Telecom, Viettel. Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu lớn cho Công ty trong năm 2009, và đang tăng mạnh.

Cung cấp thiết bị viễn thông, thiết bị nguồn: Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn... Các thiết bị cho nhà mạng viễn thông như nguồn, Accqui, Angten....

Thi công xây lắp mạng viễn thông: lắp đặt thiết bị nguồn, thiết bị truyền dẫn

2.3. Địa bàn kinh doanh

Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống đại lý bán hàng trải rộng trên các tỉnh toàn quốc và bước đầu có hoạt động xuất khẩu sang thị trường một số nước: Myanmar, Phillipine, Campuchia, Mozambique... và các nước khác trên thế giới tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Trụ sở hoạt động của Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long:

Địa chỉ: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại : 04.3827312 - Fax: 04.382722292

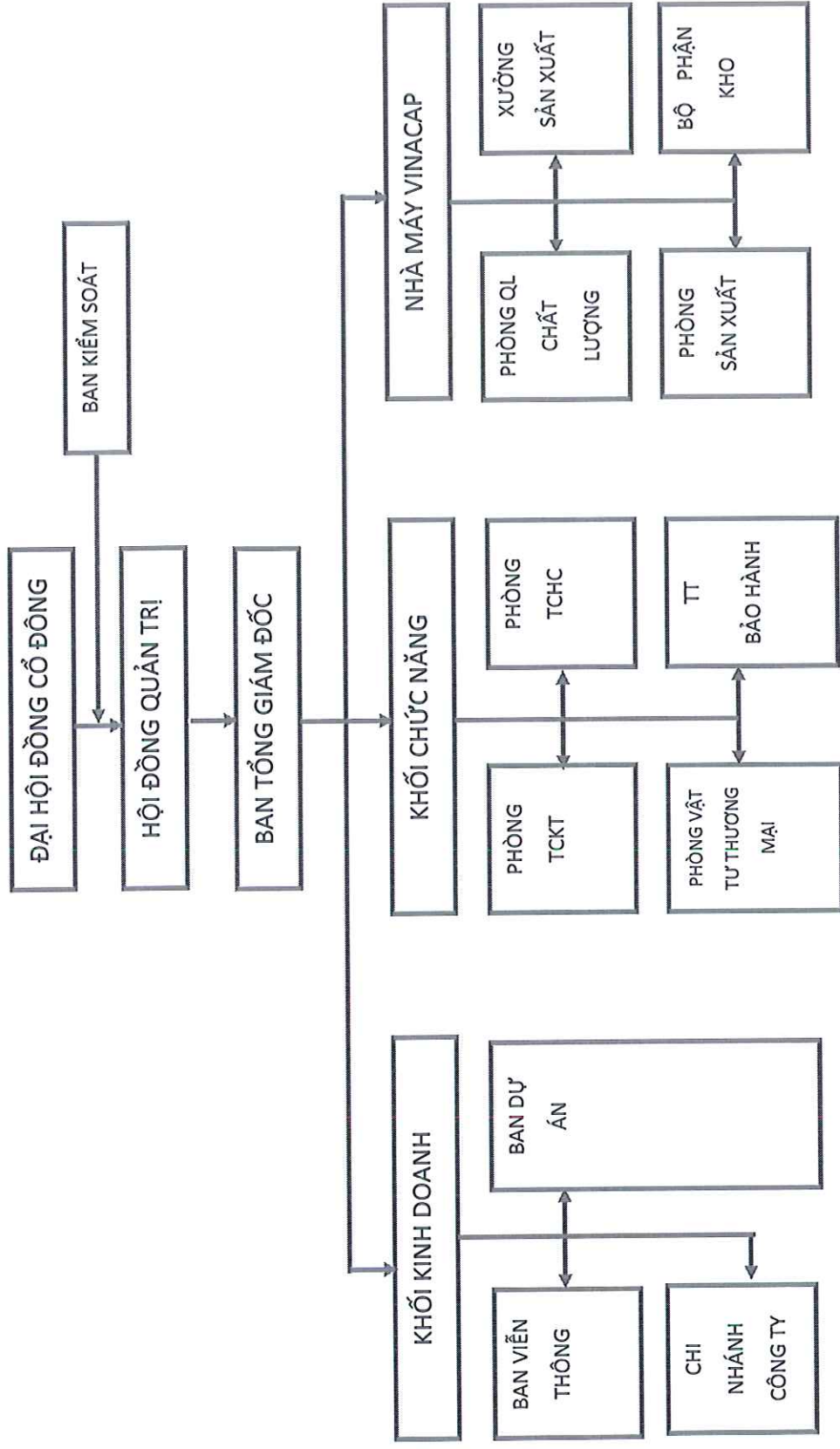
Website : www.vinacap.vn

Văn phòng tại Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 02 Số 166 Phố Trần vỹ, Phường mai dịch, Tp Hà Nội

Điện thoại : 04.35377989

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAP KIM LONG



Công ty Cổ phần Vinacap Kim Long được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ Công ty Cổ phần Vinacap Kim long ban hành ngày 06/02/2023.

Quy chế Quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap ban hành kèm theo Quyết định số 057/10/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 11 năm 2010.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất và quyết định mọi vấn đề lớn của Công ty
Thông qua Điều lệ, tổ chức hoạt động, phương hướng sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Công ty.

Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Công ty;

Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;

Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của Công ty;

Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị Công ty hiện có 03 thành viên, Ngoài ra công ty có Thư ký công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc nhà máy do Tổng giám đốc bổ nhiệm và miễn nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người giúp cho Tổng Giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được phân công và giao quyền.

3.4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) với số vốn góp là 49.920.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) tương đương 4.992.000 cổ phần chiếm 32% vốn điều lệ.

VINACAP không có công ty mẹ.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành

Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD

Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư và Công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tăng trưởng bền vững, đạt hiệu quả

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên

Có trách nhiệm với xã hội

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

Tăng trưởng kinh tế

Là một yếu tố quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới.

Lạm phát

Tình hình lạm phát ở nước ta trong thời gian qua có những diễn biến khó lường. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như sản phẩm dịch vụ đầu ra của Công ty. Điều đó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang có những biến động mạnh.

Tuy nhiên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khủng hoảng có triển vọng phát triển tốt là lực đẩy tốt cho ngành sản xuất vật liệu, thiết bị phục vụ cho những ngành hạ tầng thiết yếu như viễn thông và điện lực phát triển.

Rủi ro về luật pháp

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Rủi ro đặc thù: Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu, Rủi ro tỷ giá, Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

II. Tình hình hoạt động trong năm 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất trong năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2025 | Năm 2024 | %TH/NT |
|-------|--|-------------|----------------------|--------------------|---------|
| | | | VND | VND | |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21 | 535.834.092.845 | 339.912.074.165 | 157,6% |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - | 0,0% |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 535.834.092.845 | 339.912.074.165 | 157,6% |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 22 | 508.540.048.403 | 315.255.550.654 | 161,3% |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 27.294.044.442 | 24.656.523.511 | 110,7% |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 1.250.138.434 | 121.854.078 | 1025,9% |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 24 | 4.910.966.650 | 3.242.474.860 | 151,5% |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 2.582.501.006 | 2.467.712.166 | 104,7% |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 25 | 7.766.395.963 | 10.600.928.155 | 73,3% |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 12.977.493.425 | 10.016.566.433 | 129,6% |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.889.326.838 | 918.408.141 | 314,6% |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 27 | 69.276.364 | 68.050.273 | 101,8% |
| 32 | 12. Chi phí khác | | 33.119.711 | 146.837.492 | 22,6% |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 36.156.653 | (78.787.219) | -45,9% |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 2.925.483.491 | 839.620.922 | 348,4% |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 28 | 619.760.081 | 434.919.683 | 142,5% |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - | |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>2.305.723.410</u> | <u>404.701.239</u> | 569,7% |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 29 | 148 | 26 | 569,2% |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch 2025

| TT | Nội dung | Thực hiện | Năm 2025 | | |
|----|---------------------------|-----------|----------|-----------|---------|
| | | năm 2024 | Kế hoạch | Thực hiện | % TH/KH |
| 1 | Doanh thu | 339.91 | 499.9 | 535.8 | 107.18% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 0.84 | 2.748 | 2.925 | 106.44% |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 0.4 | 2.198 | 2.306 | 104.91% |
| 4 | Vốn điều lệ bình quân | 156 | 156 | 156 | 100.00% |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức (%) | 0.20% | 1% | 1.215% | 121.5% |
| 6 | Thù lao HĐQT, BKS | 0.0109 | | 0.0646 | |
| 7 | Trích lập các quỹ | 0 | | 0.3459 | |
| | Quỹ đầu tư phát triển 5% | 0 | | 0.1153 | |
| | Quỹ phúc lợi 5% | | | 0.1153 | |
| | Quỹ khen thưởng 5% | | | 0.1153 | |

2 Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Nguyên quán | Trình độ chuyên môn | Chức vụ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Ghi chú |
|--|----------------------|----------|-------------|-----------------------------|----------------------|------------------|-------------------|--|
| I) HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | | | | | |
| 1 | Ngô Hoàng Phương | 1973 | Thanh Hóa | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | Chủ tịch HĐQT | 108.160 | 0,69 % | Tái bổ nhiệm 07/03/2022 |
| 2 | Ông Ngô Hữu Tâm | 1981 | Thanh Hóa | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | UVHĐQT / TGD Công ty | 80.080 | 0,51 % | Bổ nhiệm ngày 07/03/2022 |
| 3 | Ông Hoàng Văn Lợi | 1973 | Hải Phòng | Cử nhân | Phó Tổng giám đốc | 1.996.800 | 12,8 % | Bổ nhiệm ngày 05/04/2025 đến ngày 19/01/2026 |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Hải | 1974 | Hải Dương | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | UV HĐQT | 2.995.200 | 19,2 % | Miễn nhiệm ngày 05/04/2025 |
| II) BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | | | | | | | | |
| 1 | Ông Ngô Hữu Tâm | 1981 | Thanh Hóa | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | TGD Công ty | 80.080 | 0,51 % | Bổ nhiệm ngày 07/03/2022 |
| 2 | Ông Trần Văn Quý | 1983 | Nam Định | Cử nhân | Phó Tổng giám đốc | | | Bổ nhiệm ngày 05/03/2025 |
| 3 | Ông Hoàng Văn Lợi | 1973 | Hải Phòng | Cử nhân | Phó Tổng giám đốc | 1.996.800 | 12,8 % | Bổ nhiệm ngày 08/09/2022 đến ngày 19/01/2026 |
| 4 | Ông Lê Anh Xuân | 1979 | Hà Nội | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | Phó Tổng giám đốc | | | Bổ nhiệm ngày 05/01/2026 |
| Ông Lê Anh Xuân làm đại diện 100% phần vốn của Tập đoàn VNPT | | | | | | | | |

| III) BAN KIỂM SOÁT | | | | | | | | |
|--------------------|----------------|------|-----------|--------------|----------------------|--------|--------|-----------------------|
| 1 | Phạm Văn Ninh | 1975 | Nam Định | Kỹ sư | Trưởng ban kiểm soát | 10.400 | 0,07 % | Tái bổ nhiệm 7/3/2022 |
| 2 | Đình Quang Hữu | 1973 | Ninh Bình | Thạc sỹ | TV BKS | 0 | 0% | Tái bổ nhiệm 7/3/2022 |
| 3 | Vũ Hoàng Công | 1984 | Lạng Sơn | Thạc sỹ, CPA | TV BKS | 0 | 0 % | Tái bổ nhiệm 7/3/2022 |

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Cơ cấu lao động theo giới tại ngày 31/12/2025

| <i>Cơ cấu theo giới</i> | | |
|-------------------------|-------------------------|--------------|
| <i>Giới</i> | <i>Số lượng (người)</i> | <i>Tỷ lệ</i> |
| <i>Nam</i> | 45 | 73,7% |
| <i>Nữ</i> | 16 | 26,3% |
| <i>Tổng</i> | 61 | |

Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn tại ngày 31/12/2023

| <i>Cơ cấu theo trình độ học vấn</i> | | |
|--|-----------------|--------------|
| <i>Trình độ</i> | <i>Số lượng</i> | <i>Tỷ lệ</i> |
| Đại học và trên đại học | 30 | 49% |
| Cao đẳng | 5 | 8,2% |
| Trung học chuyên nghiệp và trình độ khác | 26 | 42,8% |
| Tổng | 61 | |

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2025 | Năm 2024 | % 2025/2024 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 326.264.240.436 | 311.590.967.055 | 105% |
| Doanh thu thuần | 535.834.092.845 | 339.912.074.165 | 158% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2.889.326.838 | 918.408.141 | 315% |
| Lợi nhuận khác | 36.156.653 | (78.787.219) | -46% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.925.483.491 | 839.620.922 | 348% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.305.723.410 | 404.701.239 | 570% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 148 | 26 | 569% |

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ số tài chính

| TT | Chỉ tiêu | | Kỳ này | Kỳ trước |
|------------|---|---|-----------------|-----------------|
| 1. | Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn | | | |
| 1.1 | Bố trí cơ cấu tài sản | | | |
| | Tài sản dài hạn / Tổng tài sản | = | 10.132.325.539 | 8.486.357.502 |
| | | % | 3,11% | 2,72% |
| | Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản | = | 316.131.914.897 | 303.104.609.553 |
| | | % | 96,89% | 97,28% |
| 1.2 | Bố trí cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn | = | 154.910.565.386 | 142.139.055.414 |
| | | % | 47,48% | 45,62% |
| | Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (Hệ số tài trợ) | = | 171.353.675.050 | 169.451.911.641 |
| | | % | 52,52% | 54,38% |
| 1.3 | Tỷ trọng vốn vay và nợ | | | |
| | Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn | = | 154.885.565.386 | 142.114.055.414 |
| | | % | 47,47% | 45,61% |
| | Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn | = | 25.000.000 | 25.000.000 |
| | | % | 0,01% | 0,01% |
| | Nợ dài hạn / Nguồn vốn chủ sở hữu | = | 25.000.000 | 25.000.000 |
| | | % | 0,01% | 0,01% |

| TT | Chỉ tiêu | | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----|---|---|-----------------|-----------------|
| 1.4 | Tỷ số Nợ phải trả / Vốn cổ phần | = | 154.910.565.386 | 142.139.055.414 |
| | | | 156.000.000.000 | 156.000.000.000 |
| | | % | 99,30% | 91,11% |
| 1.5 | Tỷ số Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ trên vốn chủ) | = | 154.910.565.386 | 142.139.055.414 |
| | | | 171.353.675.050 | 169.451.911.641 |
| | | % | 90,40% | 83,88% |
| 1.6 | Tỷ số Nợ phải trả / Tổng tài sản (Hệ số nợ) | = | 154.910.565.386 | 142.139.055.414 |
| | | | 326.264.240.436 | 311.590.967.055 |
| | | % | 47,48% | 45,62% |
| 1.7 | Tốc độ tăng tổng tài sản | = | 14.673.273.381 | 0 |
| | | | 311.590.967.055 | 0 |
| | | % | 4,71% | 0,00% |

| TT | Chỉ tiêu | | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----------|-----------------------------|-----|-----------------|-----------------|
| 2. | Khả năng thanh toán | | | |
| 2.1 | Tỷ lệ thanh toán tổng quát | = | 326.264.240.436 | 311.590.967.055 |
| | | | 154.910.565.386 | 142.139.055.414 |
| | | lần | 2,106145824 | 2,192155887 |
| 2.2 | Tỷ lệ thanh toán hiện hành | = | 316.131.914.897 | 303.104.609.553 |
| | | | 154.885.565.386 | 142.114.055.414 |
| | | lần | 2,041067637 | 2,132826402 |
| 2.3 | Tỷ lệ thanh toán nhanh | = | 215.719.649.541 | 201.910.976.561 |
| | | | 154.885.565.386 | 142.114.055.414 |
| | | lần | 1,392767938 | 1,420767115 |
| 2.4 | Tỷ lệ thanh toán tức thời | = | 71.860.047.487 | 38.156.622.259 |
| | | | 154.885.565.386 | 142.114.055.414 |
| | | lần | 0,463955742 | 0,268492952 |
| 2.5 | Hệ số khả năng chi trả | = | 62.906.930.177 | 16.133.367.064 |
| | | | 154.885.565.386 | 142.114.055.414 |
| | | lần | 0,406151019 | 0,113524078 |
| 2.6 | Khả năng thanh toán lãi vay | = | 2.925.483.491 | 839.620.922 |
| | | | 2.582.501.006 | 2.467.712.166 |
| | | lần | 1,13 | 0,34 |
| 2.7 | Tỷ số đảm bảo nợ | | | |
| | Tỷ số đảm bảo nợ dài hạn | = | 10.132.325.539 | 8.486.357.502 |
| | | | 25.000.000 | 25.000.000 |
| | | lần | 405,29 | 339,45 |
| | Tỷ số đảm bảo nợ ngắn hạn | = | 316.131.914.897 | 303.104.609.553 |
| | | | 154.885.565.386 | 142.114.055.414 |
| | | lần | 2,04 | 2,13 |

| | | | | |
|-----------|---|------|-----------------|-----------------|
| 3. | Chỉ số sinh lời | | | |
| 3.1 | Tỷ suất Lợi nhuận / Doanh thu | | | |
| | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | = | 2.305.723.410 | 404.701.239 |
| | | | 535.834.092.845 | 339.912.074.165 |
| | | % | 0,43% | 0,12% |
| | Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần | = | 27.294.044.442 | 24.656.523.511 |
| | | | 535.834.092.845 | 339.912.074.165 |
| | | % | 5,09% | 7,25% |
| 3.3 | Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA) | = | 2.305.723.410 | 0 |
| | | | 318.927.603.746 | 0 |
| | | % | 0,72% | 0,00% |
| 3.4 | Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE) | = | 2.305.723.410 | 0 |
| | | | 170.402.793.346 | 0 |
| | | % | 1,35% | 0,00% |
| 3.5 | Tỷ lệ Hoàn vốn đầu tư (ROI) | = | 2.305.723.410 | 0 |
| | | | 156.000.000.000 | 0 |
| | | % | 1,48% | 0,00% |
| 3.6 | Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận | = | 1.901.022.171 | 0 |
| | | | 404.701.239 | 0 |
| | | % | 469,73% | 0,00% |
| 4. | Chỉ số hoạt động | | | |
| 4.1 | Số vòng quay các khoản phải thu | = | 535.834.092.845 | 0 |
| | | | 144.886.695.125 | 0 |
| | | lần | 3,698297434 | 0 |
| | Thời gian thu tiền bình quân (= thời gian kỳ | ngày | #DIV/0! | #DIV/0! |
| 4.2 | Số vòng quay các khoản phải trả | = | 508.540.048.403 | 0 |
| | | | 78.046.560.041 | 0 |
| | | lần | 6,515854743 | 0 |
| | Thời gian trả tiền bình quân (= thời gian kỳ p | ngày | #DIV/0! | #DIV/0! |
| 4.3 | Số vòng quay hàng tồn kho | = | 508.540.048.403 | 0 |
| | | | 100.802.949.174 | 0 |
| | | lần | 5,044892561 | 0 |
| | Thời gian quay vòng của hàng tồn kho (= th | ngày | #DIV/0! | #DIV/0! |

| | | | | |
|-----|--|------|-----------------|---------|
| 4.4 | Số vòng quay vốn lưu động | = | 535.834.092.845 | 0 |
| | | | 309.618.262.225 | 0 |
| | | lần | 1,73062819 | 0 |
| | Thời gian quay vòng của vốn lưu động (= th | ngày | #DIV/0! | #DIV/0! |
| 4.5 | Hiệu suất sử dụng tài sản cố định | = | 535.834.092.845 | 0 |
| | | | 7.831.023.580 | 0 |
| | | lần | 68,42452808 | 0 |
| 4.6 | Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản | = | 535.834.092.845 | 0 |
| | | | 318.927.603.746 | 0 |
| | | lần | 1,680111996 | 0 |
| 4.7 | Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu | = | 535.834.092.845 | 0 |
| | | | 170.402.793.346 | 0 |
| | | lần | 3,144514725 | 0 |
| 4.8 | Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần | = | 535.834.092.845 | 0 |
| | | | 156.000.000.000 | 0 |
| | | lần | 3,434833928 | 0 |
| 4.9 | Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần | = | 195.922.018.680 | 0 |
| | | | 339.912.074.165 | 0 |
| | | % | 57,64% | 0,00% |

| | | | | |
|----|----------------------------|---|-----------------|-----------------|
| 5. | Khả năng tăng trưởng | | | |
| | Tỷ số lợi nhuận tích lũy | = | 2.305.723.410 | 404.701.239 |
| | | | 2.373.493.223 | 471.729.814 |
| | | % | 97,14% | 85,79% |
| | Tỷ số tăng trưởng bền vững | = | 2.373.493.223 | 471.729.814 |
| | | | 171.353.675.050 | 169.451.911.641 |
| | | % | 1,39% | 0,28% |
| 6. | Hệ số cân đối vốn | | | |
| | Vốn luân chuyển | = | 161.246.349.511 | 160.990.554.139 |
| | Vốn lưu động thuần | = | 161.246.349.511 | 160.990.554.139 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không**a) Cổ phần:**

Cơ cấu cổ phần chứng khoán:

| Loại chứng khoán | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------------|------------------|------------------|-----------|
| Chứng khoán phổ thông | 476 | 15.600.000 | 100 % |
| Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng | 0 | 0 | 0% |
| Tổng số | 476 | 15.600.000 | 100 % |

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình cổ đông:

| TT | Cơ cấu cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|------------------|--------------------|------------------|-------------------|------------|
| I | Cổ đông trong nước | 476 | 15.600.000 | 100 |
| | Tổ chức | 1 | 4.992.000 | 32.00 |
| | Cá nhân | 475 | 10.608.000 | 68.00 |
| II | Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 |
| | Tổ chức | 0 | 0 | 0 |
| | Cá nhân | 0 | 0 | 0 |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 476 | 15.600.000 | 100 |

Theo danh sách chốt đến 27 tháng 02 năm 2025: Vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng tương đương 15.600.000 cổ phần và cơ cấu cổ đông nắm giữ trên 5% như sau:

| TT | Họ và tên | Số CMND/ĐKSH | Địa chỉ | SLCP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|------------------|--|--------------|---|-------------------|-------------|
| 1 | Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam | 100684378 | Số 57 - Huỳnh Thúc Kháng Đống Đa - Hà Nội | 4.992.000 | 32,00% |
| 2 | Ngô Thị Kiều Trang | 038189001242 | 47q ngõ 416 Lạc Long Quân, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội | 2,642,860 | 18.01% |
| 2 | Nguyễn Thanh Hà | 001173012778 | Tổ 31, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội | 1,987,336 | 12.74% |
| 3 | Ngô Phúc Lâm | 001201009170 | Tổ 31 Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội | 1.622.936 | 10,4% |
| 5 | Tổ chức và các nhân khác (nắm giữ dưới 5%) | | | 4.208.923 | 26.85% |
| Tổng cộng | | | | 15.600.000 | 100% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

1.1 Sản phẩm cáp quang và dây thuê bao:

Năm 2025, nhu cầu thị trường đối với sản phẩm cáp quang và dây thuê bao có xu hướng tăng nhẹ khi một số dự án đầu tư công và hạ tầng viễn thông được triển khai trở lại. Công ty đã duy trì sản xuất ổn định, tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường, đảm bảo việc làm cho người lao động.

Mặc dù giá vật tư và tỷ giá có biến động trong năm, tuy nhiên các yếu tố này vẫn nằm trong khả năng dự báo và kiểm soát của Công ty. Nhờ vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh đối với nhóm sản phẩm này vẫn được duy trì ổn định và đóng góp tích cực vào kết quả chung.

1.2. Điện dân dụng

Dây điện dân dụng tiếp tục là một trong những nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty. Trong năm 2025, mặc dù thị trường bất động sản và xây dựng dân dụng còn nhiều khó khăn, nhu cầu thị trường chưa phục hồi mạnh, Ban điều hành đã chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tăng cường mở rộng kênh phân phối và linh hoạt trong chính sách bán hàng.

Nhờ các giải pháp điều hành phù hợp, sản phẩm dây điện dân dụng đã đạt và vượt kế hoạch đề ra, với sản lượng và doanh thu thực hiện trên 110% kế hoạch, đóng góp tích cực vào kết quả chung của Công ty. Hoạt động sản xuất được tổ chức linh hoạt theo nhu cầu thị trường, đảm bảo duy trì ổn định việc làm cho người lao động và khai thác hiệu quả năng lực sản xuất của nhà máy

1.3. Cáp mạng LAN:

Sản phẩm cáp mạng LAN của Công ty tiếp tục giữ được uy tín về chất lượng và thương hiệu trên thị trường. Trong năm 2025, mặc dù nhu cầu chung của thị trường chịu ảnh hưởng bởi sự suy giảm của lĩnh vực bất động sản và xây dựng dân dụng, Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất ổn định. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ duy trì bình quân khoảng 4.000 box/tháng, cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

1.4. Kinh doanh thương mại dự án:

Bên cạnh các hoạt động sản xuất chính, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thương mại và hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực thiết bị viễn thông, thiết bị điện và công nghệ thông tin nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu.

Trong năm 2025, hoạt động thương mại và dự án bước đầu ghi nhận những tín hiệu tích cực, điển hình như việc Công ty đã ký kết và triển khai cung cấp sản phẩm cho các nhà thầu tham gia Dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành, đồng thời mở rộng hợp tác với một số đơn vị trong ngành Đường sắt.

Những hợp đồng này không chỉ đóng góp vào doanh thu của Công ty trong năm mà còn tạo tiền đề để Công ty từng bước mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào các dự án hạ tầng quy mô lớn trong thời gian tới.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty hoạt động trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu thụ chưa phục hồi mạnh. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã duy trì hoạt động ổn định, kiểm soát chi phí hiệu quả và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, tạo nền tảng cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026.

Trong năm 2025, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công ty tìm mọi biện pháp tồn tại và kiên trì duy trì SXKD. Cụ thể kết quả SXKD như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| TT | Nội dung | Thực hiện năm 2024 | Năm 2025 | | |
|----|---------------------------|--------------------|----------|-----------|---------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | % TH/KH |
| 1 | Doanh thu | 339.91 | 499.9 | 535.8 | 107.18% |
| 2 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 0.84 | 2.748 | 2.925 | 106.44% |
| 3 | Tổng lợi nhuận sau thuế | 0.4 | 2.198 | 2.306 | 104.91% |
| 4 | Vốn điều lệ bình quân | 156 | 156 | 156 | 100.00% |
| 5 | Tỷ lệ chia cổ tức (%) | 0.20% | 1% | 1.215% | 121.5% |
| 6 | Thù lao HĐQT, BKS | 0.0109 | | 0.0646 | |
| 7 | Trích lập các quỹ | 0 | | 0.3459 | |
| | Quỹ đầu tư phát triển 5% | 0 | | 0.1153 | |
| | Quỹ phúc lợi 5% | | | 0.1153 | |
| | Quỹ khen thưởng 5% | | | 0.1153 | |

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | TH/NT % |
|----|-------------------------------|----------|----------|---------|
| 1 | Tổng tài sản | 311,591 | 326,264 | 104.71% |
| 2 | Nợ ngắn hạn | 142,114 | 154,885 | 108.99% |
| 3 | Nợ dài hạn | 25 | 25 | 100.00% |
| 4 | Vốn chủ sở hữu | 169,452 | 171,353 | 101.12% |
| | a. Vốn điều lệ | 156,000 | 156,000 | 100.00% |
| | b. Thặng dư vốn cổ phần | - | - | |
| | c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | |
| | d. Lợi nhuận chưa phân phối | 472 | 2,373 | 503% |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2025, Ban TGD hoạt động có 01 TGD và 02 Phó TGD điều hành dưới sự chỉ đạo của HĐQT và trực tiếp của Chủ tịch HĐQT Công ty trong các hoạt động kinh doanh.
- Kiện toàn công tác tổ chức với các đơn vị phòng ban:
 - + Khối kinh doanh: Chi nhánh Hà Nội; Ban Viễn thông; Ban dự án.
 - + Khối văn phòng: Phòng TCTH, Phòng TCKT; Phòng VTTM.
 - + Nhà máy: VPNM, Phòng SX, Phòng QLCL – QM, Bộ phận kho;

Giải pháp đã triển khai trong năm 2025:

Ngay từ đầu năm 2025, Ban TGD đã nhận định đánh giá được bối cảnh kinh doanh qua các cuộc họp HĐQT thường kỳ/cả đột xuất để triển khai các giải pháp phù hợp: Thực hiện nghị quyết của HĐQT Ban TGD đã triển khai quyết liệt các giải pháp trong điều hành, quản lý và đạt được một số kết quả tích cực:

- Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động, Ban Điều hành đã chủ động rà soát và tái cơ cấu hoạt động sản xuất. Cụ thể, thực hiện sắp xếp lại máy móc thiết bị theo hướng hợp lý, đồng thời tinh gọn và tối ưu hóa nguồn nhân lực cả trực tiếp và gián tiếp. Song song, tiến hành cơ cấu lại chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí trong toàn Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Các giải pháp tiết giảm chi phí được triển khai đồng bộ nhằm đảm bảo an toàn tài chính trong điều kiện khối lượng công việc hạn chế, nhà máy chưa khai thác hết công suất. Đồng thời, xây dựng và ban hành các quy chế quản lý gắn với hiệu quả công việc, áp dụng cơ chế khoán trong sản xuất và kinh doanh phù hợp với tình hình mới.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ tại các dự án thuộc Ban Viễn thông và MSTT nhằm giảm áp lực tài chính, đồng thời tiết giảm chi phí tài chính cho Công ty.
- Tiếp tục giao Giám đốc Nhà máy triển khai xây dựng, hoàn thiện và duy trì hệ thống tiêu chuẩn 5S, ISO trong hoạt động sản xuất; đồng thời ban hành các quy định kiểm soát chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh của các bộ phận, tăng cường công tác giám sát, điều hành nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã được giao.

Xây dựng phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và phát triển văn hóa doanh nghiệp. Đã tổ chức các buổi sinh hoạt văn hóa nội bộ, kết hợp đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý cho đội ngũ cán bộ từ cấp trưởng/phó phòng trở lên. Đồng thời, triển khai các chương trình đào tạo chuyên môn, phát triển tinh thần đội nhóm và củng cố văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.
- Ban lãnh đạo đã quán triệt đội ngũ cán bộ quản lý về việc nâng cao trách nhiệm trong công tác điều hành, đồng thời thực hiện tiết kiệm chi phí, hạn chế tối đa lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung củng cố và ổn định tinh thần đội ngũ cán bộ quản lý; đến nay, bộ máy điều hành được tinh gọn, vận hành hiệu quả, tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên.
- Tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cấp cao và đội ngũ chuyên môn, đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc và thích ứng với xu hướng phát triển mới.

- Các hoạt động gắn kết nội bộ được duy trì định kỳ, góp phần nâng cao mức độ hài lòng, tăng cường sự gắn bó giữa nhân viên và đội ngũ quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty đã triển khai cải tạo, xây dựng lại nhà xưởng nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh mới là cho thuê nhà xưởng và mặt bằng (đã được Hội đồng Quản trị thông qua), góp phần tận dụng tài sản hiện có và tạo thêm nguồn thu ổn định.

Trong bối cảnh tổng cầu các sản phẩm của Công ty sụt giảm do đặc thù chung của ngành cấp, Công ty đã chủ động định hướng tìm kiếm các hướng đi mới, bao gồm phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và mở rộng tìm kiếm các hợp đồng thương mại nhằm bù đắp chi phí cố định.

Bên cạnh đó, nắm bắt xu hướng thị trường, Công ty đang triển khai thử nghiệm hoạt động bán hàng online nhằm đa dạng hóa kênh phân phối và tiếp cận khách hàng hiệu quả hơn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp với sự tham gia của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và các cán bộ chủ chốt, nhằm xem xét, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành trên cơ sở thống nhất cao giữa các thành viên, bám sát tình hình thực tế của Công ty, làm căn cứ để Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai và hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Các thành viên HĐQT đồng thời tích cực phối hợp, hỗ trợ Ban Lãnh đạo trong công tác điều hành.

Hội đồng Quản trị duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty.

Thực hiện giám sát thường xuyên đối với Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trong việc triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị

2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định nhằm chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, cạnh tranh ngày càng gia tăng, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động báo cáo, tham mưu Hội đồng Quản trị các giải pháp điều hành phù hợp, góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

Công ty đã giữ vững sự ổn định trong điều kiện biến động chung của thị trường; đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động; đồng thời cân đối hài hòa lợi ích của cổ đông và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã bám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025: Công ty đạt chỉ tiêu kế hoạch Doanh thu và chỉ tiêu lợi nhuận đề ra.

- Doanh thu: 535,8 tỷ đồng, Đạt 107,18% so kế hoạch đề ra
- Lợi nhuận sau thuế: 2,306 tỷ đồng đạt 104,91% so kế hoạch đề ra

Nguyên nhân:

Ban Điều hành đã tổ chức sản xuất linh hoạt theo nhu cầu thị trường, đồng thời tối ưu chi phí, sắp xếp lại nhân sự và cơ cấu sản xuất theo hướng hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Doanh thu được duy trì ổn định từ các sản phẩm chủ lực như cáp quang, dây điện và cáp mạng LAN; trong đó một số nhóm sản phẩm đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Đẩy mạnh mở rộng hoạt động thương mại, tích cực tham gia các dự án cung cấp thiết bị viễn thông và hạ tầng, góp phần đa dạng hóa nguồn doanh thu.

Với các giải pháp điều hành kịp thời cùng sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; duy trì ổn định hoạt động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và quyền lợi của cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

a) Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Nguyên quán | Trình độ chuyên môn | Chức vụ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Ghi chú |
|----|----------------------|----------|-------------|-----------------------------|----------------------|------------------|-------------------|--|
| 1 | Ngô Hoàng Phương | 1973 | Thanh Hóa | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | Chủ tịch HĐQT | 103.160 | 0,69% | Tái bổ nhiệm 07/03/2022 |
| 2 | Ông Ngô Hữu Tâm | 1981 | Thanh Hóa | Thạc sỹ quản trị kinh doanh | UVHĐQT / TGD Công ty | 80.080 | 0,51% | Bổ nhiệm ngày 07/03/2022 |
| 3 | Ông Hoàng Văn Lợi | 1973 | Hải Phòng | Cử nhân | Phó Tổng giám đốc | 1.996.800 | 12,8% | Bổ nhiệm ngày 05/04/2025 đến ngày 19/01/2026 |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Hải | 1974 | Hải Dương | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | UV HĐQT | 2.995.200 | 19,2% | Miễn nhiệm ngày 05/04/2025 |

b) Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

Làm biên bản các cuộc họp;

Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Hoạt động của hội đồng quản trị:

** Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2025:*

| TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi TV HĐQT tham dự họp | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|----------------------|---------------------------------------|---|-----------------------------|-------------------|--------------------------------|
| 1 | Ông Ngô Hoàng Phương | Chủ tịch | Bắt đầu 07/03/2022 | 4/4 | 100% | - |
| 2 | Ông Nguyễn Thanh Hải | Ủy viên (Đại diện vốn VNPT) | Bắt đầu 07/03/2022/ miễn nhiệm ngày 05/04/2025 | 0/4 | 0% | Bận công tác không có uỷ quyền |
| 3 | Ông Ngô Hữu Tâm | Ủy viên - Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc | Bắt đầu 07/03/2022 | 4/4 | 100% | |
| 4 | Ông Hoàng Văn Lợi | Đại diện vốn VNPT | Bổ nhiệm ngày 05/04/2025 đến ngày 19/01/2026 | | | |

** Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị*

| Năm 2025 | | |
|------------|---------------|---|
| Ngày | Số văn bản | Nội dung |
| 05/03/2025 | 25/01/NQ-HĐQT | <ul style="list-style-type: none">- Ghi nhận báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng đầu năm 2025;- Bổ nhiệm ông Trần Văn Quý làm Phó Tổng Giám đốc- Phê duyệt đề án nâng cấp tổng thể nhà xưởng để sử dụng và cho thuê- Đồng ý không xây dựng kế hoạch giai đoạn 2025-2029- Thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 |
| 15/05/2025 | 25/01/QĐ-HĐQT | <ul style="list-style-type: none">- Ghi nhận kết quả kinh doanh 4 tháng đầu năm 2025- Ghi nhận kết quả làm việc với khách hàng chủ chốt- Ghi nhận Quy hoạch huyện Gia Lâm và điều chỉnh đề án cải tạo, nâng cấp nhà xưởng phù hợp với quy hoạch chung huyện Gia Lâm- Phê duyệt dự án đầu tư dây chuyền sản xuất cáp điện |

| | | |
|------------|---------------|--|
| 28/05/2025 | 29/25/QĐ-HĐQT | - Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 |
| 15/09/2025 | 25/03/NQ-HĐQT | <ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhận kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 08 Tháng đầu tiên 2025 - Ghi nhận nguyên nhân chậm tiến độ thực hiện công tác - Ghi nhận định hướng đầu tư và sản xuất kinh doanh đến hết năm 2025 của HĐQT - Phê duyệt dự án đầu tư điện mặt trời mái nhà |

(Các kỳ HĐQT Công ty tổ chức đều có sự tham dự của Ban kiểm soát Công ty và một số cán bộ quản lý của Công ty).

3. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Nguyên quán | Trình độ chuyên môn | Chức vụ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Ghi chú |
|----|----------------|----------|-------------|---------------------|---|------------------|-------------------|---------|
| 1 | Phạm Văn Ninh | 1975 | Nam Định | Kỹ sư | Trưởng ban BKS nhiệm kỳ III (2017-2022) | 10.400 | 0,07% | |
| 2 | Đinh Quang Hữu | 1973 | Ninh Bình | Thạc sỹ | TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022) | 0 | 0 | |
| 3 | Vũ Hoàng Công | 1984 | Lạng Sơn | Thạc sỹ, CPA | TV BKS nhiệm kỳ III (2017-2022) | 0 | 0 % | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

| TT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Số buổi họp BKS dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|--------------------|------------|--|--------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Phạm Văn Ninh | Trưởng ban | Bổ nhiệm 07/06/2018 | 4/4 | 100% | |
| 2 | Ông Đinh Quang Hữu | Thành viên | Bổ nhiệm 07/06/2018 | 1/4 | 25% | |
| 3 | Ông Vũ Hoàng Công | Thành viên | 17/05/2017 | 2/4 | 50% | |

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Đvt: Tỷ đồng)

| TT | Nội dung | Năm 2025 |
|----|-------------------|-----------|
| | | Thực hiện |
| 1 | Thù lao HĐQT, BKS | 0.0646 |

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Có

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|--------|----------------------------|--------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Ngô Hữu Tâm | Tổng Giám đốc | 80.080 | 0,05% | 0 | 0% | Bán |
| 2 | Hoàng Thị Thuỷ | Vợ Tổng Giám đốc | 86.265 | 0,06% | 0 | 0% | Bán |
| 3 | Ngô Thị Kiều Trang | Cổ đông lớn | 2.642.860 | 16,94% | 28.099.250 | 18,01% | Mua |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VI) Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025: Kèm theo

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGÔ HỮU TÂM